

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2021 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Năm 2021, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và cũng là năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Đối với Trà Vinh, bên cạnh ứng phó với đại dịch Covid-19 lây lan vào địa bàn tỉnh trong quý III, chính quyền và nhân dân còn phải tập trung ứng phó với hạn mặn xuất hiện sớm, thiên tai gây rủi ro, dịch bệnh trên đàn vật nuôi... đã ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực, các hoạt động sản xuất, kinh doanh đình trệ, gián đoạn chuỗi cung ứng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức lớn, nhưng cả hệ thống chính trị đã đồng lòng vào cuộc, huy động, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã chung sức vượt qua khó khăn, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2021 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có bước chuyển biến tích cực, đạt được một số kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC

Trà Vinh là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 2.390 km², có 65 km bờ biển; toàn tỉnh có 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố, với 106 xã, phường, thị trấn; dân số toàn tỉnh trên 01 triệu người, với 03 dân tộc chính: Kinh, Khmer, Hoa, trong đó: đồng bào dân tộc Khmer 318.231 người, chiếm tỉ lệ 31,53%, đồng bào dân tộc Hoa 6.632 người, chiếm 0,65% và 484 người là dân tộc thiểu số khác¹.

Toàn tỉnh có 5.204 hộ nghèo, chiếm 1,80% so với tổng số hộ chung, trong đó: hộ nghèo dân tộc Khmer 2.863 hộ, chiếm 3,21% so với tổng số hộ dân tộc Khmer (chiếm tỷ lệ 55,02% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh); hộ cận nghèo 16.650 hộ, chiếm 5,76% so với tổng số hộ chung, trong đó: hộ cận nghèo dân

¹ Số liệu theo Báo cáo số 14-BC/TU ngày 07/10/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh.

tộc Khmer 8.916 hộ, chiếm 9,99% so với tổng số hộ dân tộc Khmer (chiếm 53,35% so với tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh)².

Đồng bào Khmer chủ yếu sinh sống ở vùng nông thôn và sản xuất nông nghiệp, một bộ phận làm dịch vụ, mua bán nhỏ và làm các nghề thủ công truyền thống...; đời sống, kinh tế của đồng bào hiện nay cơ bản ổn định và phát triển, tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 giảm 1,42% (hộ nghèo trong DTTS giảm 2,84%). Đồng bào Khmer có truyền thống theo tín ngưỡng Phật giáo Nam tông Khmer, đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào luôn gắn bó với chùa chiền, chùa là nơi trang nghiêm thờ phụng, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa nhằm duy trì bản sắc văn hóa dân tộc và đào tạo ngôn ngữ, chữ viết cho đồng bào, đồng thời cũng là nơi tập hợp đoàn kết các tầng lớp dân cư.

Đồng bào Hoa sống tập trung chủ yếu ở trung tâm các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, với đặc điểm cần cù, sáng tạo, sống tiết kiệm, nhạy bén trong các lĩnh vực kinh doanh, không ít người Hoa ở Trà Vinh gần đây tập trung sản xuất, kinh doanh có bước phát triển khá, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhà. Đồng bào Hoa đa số theo Phật giáo Bắc tông và một số tín ngưỡng dân gian khác như: thờ Quan Thánh Đế Quân, Phúc Đức Chánh Thần, Thánh Mẫu Thiên Hậu....

1. Về sản xuất, đời sống

Tăng trưởng GRDP ước âm 3,92%, không đạt chỉ tiêu (*Nghị quyết 11%*), đứng thứ 12/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, là mức tăng trưởng thấp nhất từ khi tái lập tỉnh đến nay; trong đó:

- Khu vực I: ước tăng 0,54%; ngành nông nghiệp đóng vai trò càng quan trọng, tác động tích cực đến tăng trưởng của khu vực I, tỷ trọng giá trị sản xuất toàn ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cơ cấu ngành thủy sản phù hợp với định hướng của tỉnh, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khu vực II: các doanh nghiệp chủ động, linh hoạt hơn trong sản xuất, khai thác thị trường nội địa, cùng với nỗ lực đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, tuy nhiên do thực hiện giãn cách xã hội, tạm dừng sản xuất trong thời gian khá dài và tiết giảm sản lượng điện theo sự điều tiết của ngành điện nhằm đảm bảo an toàn lưới điện quốc gia nên khu vực II tăng trưởng âm 8,86% (*trong đó công nghiệp âm 9,62%*).

- Khu vực III âm 2,54% (*trong đó dịch vụ âm 2,21%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm âm 3,95%*), các ngành dịch vụ như: bán buôn, bán lẻ, thông tin truyền thông, tài chính ngân hàng, vui chơi, giải trí, dịch vụ lưu trú ăn uống, giao thông vận tải nhưng còn chậm do phải tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch.

Quy mô nền kinh tế từng bước được cải thiện, GRDP theo giá hiện hành ước đạt 63.818 tỷ đồng, tăng 549 tỷ đồng so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế

² Theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

chuyển dịch chậm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 chiếm tỷ trọng 30,8% tăng lên 30,94% năm 2021; khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ từ 69,2% còn 69,06% (*chỉ tiêu Nghị quyết 71,5%*); GRDP bình quân đầu người ước đạt 63,15 triệu đồng/người, đạt 90,93% Nghị quyết (*tăng 0,5 triệu đồng so với năm 2020*).

2. Về văn hóa

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của Nhân dân⁽³⁾. Triển lãm đường sách nhân Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam tỉnh Trà Vinh năm 2021⁽⁴⁾. Công nhận 712 ấp, khóm văn hóa (công nhận mới 28 ấp, khóm), 11 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn “*Văn hóa*”; công nhận mới 10 xã Văn hóa nông thôn mới⁽⁵⁾; xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh và 01 di tích cấp quốc gia⁽⁶⁾.

Thành tích thể thao ngày càng được củng cố và nâng cao, tăng dần số lượng, chất lượng trong công tác tuyển chọn, đào tạo và tham gia thi đấu các giải khu vực, toàn quốc và quốc tế. Tổ chức tốt các hoạt động thể thao quần chúng⁽⁷⁾; tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 34%, số gia đình thể thao đạt tỷ lệ 22%. Công tác giáo dục thể chất trong nhà trường được quan tâm, 100% trường đảm bảo chương trình giáo dục thể chất nội khóa, 75% trường đảm bảo chương trình giáo dục thể chất ngoại khóa. Triển khai Kế hoạch tổ chức Đại hội TDTT các cấp tiến tới Đại hội TDTT tỉnh Trà Vinh năm 2022⁽⁸⁾.

Ra mắt tour du lịch mới “*Tuyến sông Long Bình*” thành phố Trà Vinh, tuyến du lịch sinh thái “*Sông Ba Tròng*”. Từ đầu năm đến nay, lượt du khách tham quan tăng 2,1% so cùng kỳ; doanh thu tăng 17,7%; lượt khách lưu trú giảm 40,7%; công suất phòng bình quân giảm 11,6%. Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch luôn được quan tâm thực hiện, tính từ đầu năm đến nay đã hỗ trợ cho 02 cơ sở kinh doanh du lịch với số tiền 219,8 triệu đồng, nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ cho 10 cơ sở với số tiền hơn 1,4 tỷ đồng.

³ Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh, dàn dựng tập dượt kịch bản Sân khấu Dù kê, 01 chương trình ca múa nhạc; tổ chức 04 suất, doanh thu đạt 95 triệu đồng; 07 suất biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ trên 4.210 lượt người xem. Trung tâm Văn hóa tỉnh dàn dựng 02 kịch bản tuyên truyền; 02 chương trình văn nghệ, tổ chức 53 buổi văn nghệ; Đội chiếu phim lưu động tổ chức 12 buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị, có trên 14.500 lượt người xem; phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình ghi hình và phát trên sóng Đài Phát thanh truyền hình và trên Fanpage Trung tâm Văn hóa tiểu phẩm “*Hẹn cưới*”.

⁴ Có 12 đơn vị đến từ 09 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và NXB chính trị quốc gia sự thật tham gia triển lãm. Kết quả chấm điểm các gian hàng: huyện Cầu Ngang giải Nhất, huyện Tiểu Cần giải Nhì và huyện Duyên Hải giải Ba. Qua 03 ngày triển lãm sách có trên 5.000 lượt bạn đọc tham quan tìm hiểu.

⁵ Đến nay, toàn tỉnh có 256.114/277.260 hộ “*Gia đình văn hóa*”; 739/756 “*ấp-khóm văn hóa*”; 81 xã “*Văn hóa nông thôn mới*”; 15 phường, thị trấn “*Văn minh đô thị*”; 1.147/1.232 cơ quan, đơn vị, DN đạt chuẩn văn hóa.

⁶ Toàn tỉnh hiện 01 bảo vật quốc gia, 05 di sản văn hóa phi vật thể, 32 di tích cấp tỉnh, 16 di tích cấp quốc gia.

⁷ Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; triển khai tổ chức tốt các Chương trình, Kế hoạch về thể dục thể thao của Trung ương và của tỉnh; tổ chức trên 11 giải thể thao, hội thao cấp tỉnh, có hàng nghìn lượt VĐV tham dự.

⁸ Có 69/106 xã, phường, thị trấn của 09 huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức xong; trong đó, có 04 huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú và Cầu Ngang đã tổ chức xong Đại hội TDTT cấp xã.

3. Về giáo dục

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới⁽⁹⁾; tổ chức an toàn nghiêm túc các kỳ thi cấp tỉnh⁽¹⁰⁾; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học⁽¹¹⁾, duy trì và giữ vững ổn định công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ⁽¹²⁾... Kịp thời điều chỉnh việc tập trung học sinh đến trường⁽¹³⁾ và đổi mới phương thức dạy học bằng hình thức trực tuyến và trên truyền hình; tiếp tục rà soát về chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về trình độ đào tạo để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đạt chuẩn⁽¹⁴⁾ theo quy định của Luật giáo dục. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, theo hướng kiên cố, đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động dạy học, tính đến nay toàn tỉnh hiện có 7.860 phòng học và phòng chức năng, xóa bỏ dứt điểm phòng học tạm, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm 88,16%, bán kiên cố chiếm 11,84%.

Công tác đào tạo nghề đạt được kết quả quan trọng, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao gắn với nhu cầu xã hội và trang bị kiến thức nghề nghiệp cho lao động nông thôn. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đào tạo nghề cho 6.719 người, đạt 33% kế hoạch.

4. Về y tế

Chất lượng khám chữa bệnh, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được nâng cao; các dịch bệnh truyền nhiễm được khống chế; giảm tỷ lệ mắc bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số. Tuổi thọ trung bình đạt 74,8 tuổi; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 5,3%; tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh 112,2 bé trai/100 bé gái⁽¹⁵⁾; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 2‰.

Mạng lưới khám chữa bệnh, trang thiết bị y tế được đầu tư mua sắm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh⁽¹⁶⁾; 100% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc, đạt

⁹ Áp dụng sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trang bị 844 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường Tiểu học với 1.376 giáo viên dạy 649 lớp, 17.774 học sinh lớp 1, cuối năm học 2020-2021 có 96,2% đạt mức hoàn thành trở lên (trong đó có 40,27% đạt hoàn thành xuất sắc); hoàn thành việc biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt bộ tài liệu lớp 1 và chuẩn bị chu đáo để áp dụng sách giáo khoa đối với lớp 2 và lớp 6 theo CT GDPT 2018 năm học 2021-2022.

¹⁰ Thi học sinh giỏi lớp 9 (có 1.278 thí sinh dự thi), thi học sinh giỏi lớp 11 (1.335 thí sinh dự thi), thi Tuyển sinh lớp 10 (với 5.044 thí sinh đăng ký dự thi), thi tốt nghiệp THPT 2021,...

¹¹ Cuối năm học 2020-2021: có 14.743/14.764 (99,9%) học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học; 12.373/12.393 (99,85%) học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS và 8.396/8.369 (99,14%) học sinh lớp 12 tốt nghiệp THPT.

¹² 106/106 xã – phường thị trấn và 9/9 huyện – thị xã – thành phố đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em năm tuổi, đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (xã Hiệp Mỹ Tây huyện Cầu Ngang đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2); 78/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 và 28 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và 6 huyện – thị xã – thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, 3 huyện (Càng Long, Tiểu Cần, thị xã Duyên Hải) đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

¹³ Kết thúc năm học 2021-2021 sớm hơn và lùi thời gian tập trung học sinh đầu năm học 2021-2022.

¹⁴ Toàn tỉnh hiện còn 2.084, tỷ lệ 16,37% (trong đó cấp Tiểu học chiếm tỷ lệ 29,26%) giáo viên các cấp học chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định Luật Giáo dục 2019.

¹⁵ Vượt 0,3% kế hoạch, giảm 0,6% so với năm 2020.

¹⁶ Trong đó:

- Tuyển tính, bao gồm: Cơ quan Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGD, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, gồm: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung

25,46 giường bệnh/vạn dân, 9 bác sĩ/vạn dân; 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Năng lực hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm được nâng lên; 95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý, 80% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 – 2020. Chính sách BHXH, BHYT, BHTN được quan tâm thực hiện; ước cả năm tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số đạt 96% (*đạt 100% Nghị quyết*); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trên 16,03% lực lượng lao động trong độ tuổi (*đạt 100% Nghị quyết*), trong đó số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 3% lực lượng lao động xã hội.

5. Về an ninh trật tự

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh

Lực lượng Quân sự, Công an và Biên phòng phối hợp chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, mệnh lệnh, chỉ lệnh, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức huấn luyện cho các đối tượng đúng kế hoạch; chỉ đạo xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt trên 98%; nền quốc phòng toàn dân được củng cố; tập trung xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện vững mạnh; triển khai xây dựng Sở Chỉ huy diễn tập; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh, huyện Trà Cú và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn đạt chỉ tiêu đề ra; triển khai Chương trình thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng toàn dân, bảo vệ an ninh biên giới biển và xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc giai đoạn 2021 – 2025. Đăng ký, quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, tổ chức, biên chế các đơn vị dự bị động viên đảm bảo quân số và chất lượng quy định; tổ chức Lễ giao nhận 951 công dân¹⁷ lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2021 trang trọng, an toàn, tiết kiệm; chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Đề án “tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách Dân quân tự vệ giai đoạn 2021 – 2025”.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; thường xuyên rà soát, xác minh năng lực của các nhà đầu tư, thận trọng trong việc thẩm định, đánh giá và lựa chọn các dự án đầu tư có khả năng tác động đến quốc phòng, an ninh, đặc biệt là khu vực ven biển.

tâm pháp y, BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản – Nhi, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện YDCT, Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang và Tiểu Cần.

- Tuyến huyện: Hiện có 09 Trung tâm Y tế (TTYT) huyện, thị xã, thành phố; trong đó có 06 TTYT thực hiện 02 chức năng, gồm TTYT huyện: Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú, Châu Thành, Duyên Hải và TTYT thị xã Duyên Hải. Còn lại 03 TTYT (thành phố Trà Vinh, Tiểu Cần, Cầu Ngang) chỉ thực hiện nhiệm vụ dự phòng.

- Tuyến xã: Hiện có 99 Trạm y tế xã và 01 Phòng khám đa khoa khu vực Hòa Minh. Dự kiến có 02 bệnh viện ngoài công lập với quy mô 100 giường bệnh.

¹⁷ Trong đó có một nữ công dân, 320 công dân là người dân tộc Khmer, 62 thanh niên có trình độ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp, sức khỏe đạt loại 1 và 2 trên 50%, có 18 thanh niên là đảng viên. Huyện Càng Long là huyện được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh chọn tổ chức truyền hình trực tiếp lễ giao nhận quân và là đơn vị điểm để rút kinh nghiệm cho công tác tuyển quân của tỉnh năm 2022.

- Bảo đảm an ninh chính trị, an toàn không gian mạng và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng Quân đội, Biên phòng và Công an các cấp tích cực phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch Covid-19, đồng thời duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị quan trọng, các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm, làm việc trên địa bàn tỉnh, các cuộc tiếp xúc cử tri và bầu cử Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND các cấp; 90% xã, phường, thị trấn và 95% cơ quan, đơn vị, nhà trường đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. Thành lập Tiểu ban An toàn, An ninh mạng, kịp thời nắm tình hình, phát hiện và xử lý các trường hợp đăng tải thông tin sai sự thật trên không gian mạng; thực hiện đăng tải thông tin đấu tranh phản bác và định hướng dư luận.

Trong 10 tháng đầu năm: Tội phạm về trật tự xã hội được tập trung triệt phá, ngăn chặn, xảy ra 276 vụ (tăng 64 vụ so với cùng kỳ), điều tra làm rõ 93,1% tổng số vụ; lĩnh vực kinh tế, phát hiện và xử lý 106 vụ (tăng 22 vụ so với cùng kỳ); lĩnh vực môi trường, phát hiện 313 trường hợp vi phạm (tăng 95 vụ so với cùng kỳ); lĩnh vực phòng, chống ma túy, phát hiện, xử lý 93 vụ (nhiều hơn cùng kỳ 11 vụ). Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được thực hiện tốt, tai nạn giao thông được kiểm chế, kéo giảm, xảy ra 36 vụ tai nạn giao thông đường bộ (so với cùng kỳ giảm 03 vụ, tăng 01 người chết, giảm 07 người bị thương). Công tác phòng cháy, chữa cháy được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, xảy ra 02 vụ cháy (giảm 04 vụ so với cùng kỳ).

- Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Quan tâm các hoạt động đối ngoại, duy trì quan hệ với trên 30 tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO) và các tổ chức quốc tế, huy động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, các dự án giảm nghèo, ổn định sinh kế. Các hoạt động kết nối, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh với nước ngoài được tăng cường, đổi mới về nội dung và hình thức.

Thực hiện tốt các quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại, quản lý chặt chẽ người nước ngoài, tăng cường các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Trà Vinh đang định cư ở nước ngoài thông qua hoạt động của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị và các Hội hữu nghị song phương để thu hút nguồn lực đầu tư, hợp mặt kiêu bào nhân dịp Tết nguyên đán.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2021

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về CTDT

- Tỉnh ủy Trà Vinh ban hành: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- UBND tỉnh chỉ đạo: Công văn số 242/UBND-KGVX ngày 20/01/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành; Công văn số 28/UBND-CNXD ngày 05/01/2021, Công văn số 344/UBND-CNXD ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Công văn số 95/UBNDT-VP135 ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước; Công văn 393/UBND-KGVX ngày 29/01/2021 về việc thực hiện Công văn số 103/UBNDT-HTQT ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Công văn số 698/UBND-KGVX ngày 26/02/2021 về việc chuẩn bị triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Công văn số 773/UBND-KGVX ngày 05/3/2021 về việc thực hiện Công văn số 187/UBNDT-DTTS ngày 27/02/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (hướng dẫn thực hiện Quyết định 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025); Công văn số 460/VP-UBND ngày 12/3/2021 về việc tiếp và làm việc với Đoàn của Đại sứ quán Ireland; Công văn số 1649/UBND-KGVX ngày 07/5/2021 cung cấp số liệu phục vụ kỳ họp thứ nhất - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021- 2026 (số liệu người DTTS trên địa bàn tỉnh đang cần nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển); Công văn số 1461/UBND-KGVX ngày 22/4/2021 khẩn trương hoàn thiện hồ sơ rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo Công văn số 422/UBNDT-DTTS ngày 19/4/2021 của của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hoàn thiện hồ sơ thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 2561/UBND-THNV ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội; Công văn số 3634/UBND-KGVX ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc rà soát, đối chiếu áp đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; Công văn số 3949/UBND-CNXD ngày 07/9/2021 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021; Công văn số 3986/UBND-CNXD ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Công văn số 1233/BCĐTƯCTMTQG ngày 06/9/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030; Công văn số 4328/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 về việc phổ biến và triển khai thực hiện Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Công văn số 5370/UBND-KGXV ngày 19/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lựa chọn xã, danh mục công trình đầu tư từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len; Công văn số 1393/UBND-CNXD ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ “Về công tác dân tộc”; Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025";

2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh

2.1. Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Về Tổ chức bộ máy: Năm 2021, Ban Dân tộc tỉnh được UBND tỉnh giao 20 biên chế (trong đó có 01 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68); Ban lãnh đạo có 03 người (01 Trưởng ban và 02 phó Trưởng Ban) có 03 phòng thuộc Ban gồm: Văn phòng; Phòng Chính sách Dân tộc; Phòng Tuyên truyền - Pháp luật và 08 phòng Dân tộc cấp huyện, thành phố.

- Về chức năng nhiệm vụ: thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 07/2014/TTLT-UBDT-BNV ngày 22/12/2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ. Nay là Thông tư số 01/2021/TT-UBDT ngày 01/11/2021 của Ủy ban Dân tộc.

+ Về phân cấp quản lý, chỉ đạo: Ban Dân tộc tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo chế độ thủ trưởng; Trưởng ban phụ trách chung, các phó Trưởng ban chỉ đạo 01 phòng chuyên môn và phụ trách 02 hoặc 03 địa bàn (huyện) trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Hàng tuần, Ban tổ chức họp báo tuần; hàng quý tổ chức họp giao ban tại huyện để nắm tình hình và tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

- Tổ chức họp các sở, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chuẩn bị triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, tại Hội trường Ban Dân tộc.

- Kiểm tra, nắm tiến độ thực hiện các công trình được đầu tư từ nguồn vốn viện trợ ODA không hoàn lại của Chính phủ Ai Len năm tài khóa 2019 (thực hiện năm 2020-2021) tại các xã: Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, Hàm Giang (huyện Trà Cú); Đôn Châu, Ngũ Lạc (huyện Duyên Hải); Long Sơn, Trường Thọ (huyện Cầu Ngang) và Mỹ Chánh (huyện Châu Thành); Kiểm tra rà soát đối tượng hưởng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gửi UBND các huyện, thành phố.

- Hoàn thành Báo cáo: Tiến độ thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 từ nguồn vốn viện trợ ODA không hoàn lại của Chính phủ Ai Len năm tài khóa 2019 (thực hiện năm 2020-

2021), gửi Ủy ban Dân tộc; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán dự án các công trình hạ tầng quy mô nhỏ thuộc Chương trình 135 năm 2018 (nguồn vốn viện trợ ODA không hoàn lại của Chính phủ Ai Len năm tài khóa 2018 thực hiện năm 2019, 2020) báo cáo Ủy ban Dân tộc, Vụ pháp chế thuộc Kiểm toán Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh; Cung cấp số liệu phục vụ kỳ họp thứ nhất - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh; Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2020 và 6 tháng năm 2021, xây dựng kế hoạch và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm (2022 - 2024) từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả rà soát, đối chiếu áp đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; Báo cáo tình hình hoạt động, điều kiện thực tế của các công trình Nhà hỏa táng tại các điểm chùa Phật giáo Nam Tông Khmer và các cụm dân cư có đông đồng bào Khmer cư trú trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng Chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân tỉnh và Ban Dân tộc giai đoạn 2021-2025; Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2030; Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc được giữ vững và ổn định, tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống giữa các dân tộc trong tỉnh được tăng cường và ngày càng phát triển tốt. Việc tu học và hành đạo, sửa chữa các cơ sở thờ tự, tổ chức khánh thành kiết giới Sima, Dâng y Kathina, đều có xin phép chính quyền và tổ chức thực hiện theo quy định.

- Tổ chức 02 cuộc lễ, tết trong đồng bào Khmer.

Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các sở, ngành có liên quan, tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thăm, tặng quà các chùa Phật giáo Nam tông Khmer; gia đình chính sách; cán bộ, nguyên cán bộ lãnh đạo do Tỉnh ủy quản lý, nhân dịp Tết cổ truyền Chôl

Chnam Thmây, lễ Sêne Đôlta của đồng bào Khmer, với kinh phí 1.705 triệu đồng¹⁸.

Ngoài ra, Ủy ban Dân tộc phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tổ chức tặng quà cho 04 tập thể: Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh, Trường Trung cấp Pali – Khmer, Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Tiểu Cần, Chùa Ất, ấp Sóc, xã Huyện Hội, huyện Càng Long và 50 cá nhân là cán bộ hưu trí trong ngành công tác dân tộc, Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, các đồng chí nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trở lên, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình chính sách, hộ nghèo là người DTTS, kinh phí 39 triệu đồng.

- Hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh

Ban Dân tộc tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh và phối hợp với các sở, ngành có liên quan cùng địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cấp Hội hoạt động đúng điều lệ, tôn chỉ, mục đích. Hỗ trợ 212,5 triệu đồng cho Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh tổ chức thi tốt nghiệp Sơ cấp và Trung cấp Phật học tại chùa Silatro, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, có 499 thí sinh dự thi, kết quả thi đạt 100%.

Toàn tỉnh hiện có 143 chùa Phật giáo Nam tông Khmer với số lượng Chư tăng khoảng 3.302 vị, trong đó có: 22 vị Hòa thượng, 57 vị Thượng tọa, 1.592 vị Tỷ kheo, 1.631 vị Sadi.

- Hoạt động của Hội Tương tế người Hoa thành phố Trà Vinh

Về hoạt động của hội đoàn người Hoa: Hội tương tế người Hoa thành phố Trà Vinh, được thành lập từ năm 2005, Hội là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Trà Vinh, có 365 hội viên. Hoạt động của Hội chủ yếu là công tác tương tế, từ thiện, xã hội và tham gia các cuộc vận động do Nhà nước phát động như: ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ phát triển tài năng trẻ, Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết...

- Tiếp công dân, nắm tình hình trong đồng bào dân tộc thiểu số:

Chủ động phối hợp với các địa phương và người có uy tín nắm tình hình trong vùng đồng bào dân tộc; nắm tình hình dịch bệnh Covid-19 trong vùng đồng bào DTTS để báo cáo Ủy ban Dân tộc; nắm tình hình tranh chấp, khiếu kiện trong đồng bào dân tộc; tiếp và tư vấn 19 vụ, 32 lượt người. Qua tiếp và tư vấn, cán bộ tiếp công dân đã hướng dẫn đồng bào chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, Nhận 09 đơn khiếu nại, nội dung về việc kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, tranh chấp quyền sử dụng

¹⁸ dịp Chôl Chnam Thmây: 140 gia đình chính sách (mỗi gia đình 1.000.000 đồng tiền mặt), 143 chùa Phật giáo Nam tông Khmer (mỗi chùa 2.000.000 đồng), 40 cán bộ đương chức (mỗi cán bộ 1.000.000 đồng tiền mặt); hỗ trợ 08 trường dân tộc nội trú, Ban Dân tộc tỉnh, Khoa Trung cấp nghề Dân tộc nội trú thuộc Trường Cao đẳng nghề tỉnh Trà Vinh, Trường Trung cấp Pali - Khmer, Đoàn Nghệ thuật Khmer Ảnh Bình Minh, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam bộ thuộc Trường Đại học Trà Vinh (mỗi trường, đơn vị là 5.000.000 đồng tiền mặt); lễ Sêne Đôlta: 26 chùa Phật giáo Nam tông Khmer và 203 gia đình chính sách, cán bộ hưu trí chủ chốt là người Khmer.

đất, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng,... qua nghiên cứu đã chuyển 07 đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, đơn còn lại đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng quy định pháp luật, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo:

3.1.1. Về thực hiện Quyết định 2152/QĐ-TTg

- Về thực hiện vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len:

Nguồn vốn tài khóa năm 2019 (thực hiện năm 2020- 2021): Tỉnh được Trung ương thông báo hỗ trợ 9.000 triệu đồng theo Công văn số 1399/UBND-VP135 ngày 20/10/2020 của Ủy ban Dân tộc để triển khai xây dựng 09 công trình cơ sở hạ tầng ở 08 xã đặc biệt khó khăn (Đôn Châu, Ngũ Lạc, Tân Hiệp, Hàm Giang, Ngãi Xuyên, Long Sơn, Trường Thọ, Mỹ Chánh) thuộc 04 huyện: Duyên Hải, Trà Cú, Cầu Ngang và Châu Thành.

Đến ngày 31/8/2021, có 9/9 công trình hoàn thành, các xã đã giải ngân 8.640,87 triệu đồng, đạt 96,01% so với kế hoạch vốn.

- Về phối hợp với Trung tâm nghiên cứu sáng kiến phát triển cộng đồng (gọi tắt là Trung tâm RIC) triển khai thực hiện dự án “Tăng cường năng lực cho các cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua thí điểm và nhân rộng mô hình vận hành bảo trì và xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng trong Chương trình 135” tại Trà Vinh: Phối hợp với Trung tâm RIC và hỗ trợ 02 xã: Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn hỗ trợ 314 phần cho 314 hộ nghèo là người DTTS, số tiền 117 triệu đồng; hỗ trợ mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt tại ấp Thanh Tri B, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, số tiền 200 triệu đồng.

- Về phối hợp với Tổ chức Care Quốc tế tại Việt Nam thực hiện dự án “Tăng cường quan hệ đối tác vì sự phát triển công bằng và toàn diện của cộng đồng các dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Dự án P4EM): Phối hợp Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ 19 tổ tiết kiệm và tín dụng tự quản tại 04 xã: Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn (Cầu Ngang); Thanh Sơn, An Quảng Hữu (Trà Cú), với tổng kinh phí 228 triệu đồng; hỗ trợ phục hồi sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng do tác động của dịch bệnh COVID-19, số tiền 360 triệu đồng. Đồng thời, phối hợp với Hội Liên hiệp Ohuj nữ tỉnh tổ chức hoạt động truyền thông về giới tại xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, số tiền 40 triệu đồng.

3.1.2. Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS-MN) giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 120/2020/QH14:

Tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, đồng thời, lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trước khi trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để triển khai tổ chức thực hiện.

3.1.3. Về thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát toàn tỉnh có 59 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số, trong đó có 15 xã khu vực III, 44 xã khu vực I và 10 ấp đặc biệt khó khăn thuộc 08 xã khu vực I tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc.

3.1.4. Về thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

Tổng hợp kết quả rà soát của UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Trà Vinh không có đối tượng các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc.

3.1.5. Thực hiện Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh:

Tổ chức 10 cuộc hội nghị tuyên truyền với 1.600 đại biểu, kinh phí 343 triệu đồng. Tuy nhiên, do dịch bệnh diễn biến phức tạp, nên không tổ chức được, đã nộp trả kinh phí về ngân sách tỉnh.

(Kèm biểu tổng hợp số 008/ĐP/1163).

3.1.6. Tổ chức Hội nghị tuyên truyền đối với các vị chức tăng và Ban quản trị các chùa Phật giáo Nam tông Khmer:

Tổ chức 10 cuộc hội nghị tuyên truyền với 1.430 đại biểu, kinh phí 325 triệu đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid - 19 đang diễn biến phức tạp kéo dài, nên Ban không thực hiện được, đã nộp trả kinh phí về ngân sách tỉnh.

3.1.7. Về thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ:

- Tổ chức thăm, tặng quà 861 lượt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây, Tết Đoan Ngọ, Tết Haji, Lễ Sêne Đôlta, số tiền 430,50 triệu đồng. Đồng thời thăm hỏi, động viên 41 người có uy tín ốm đau, số tiền 41 triệu

đồng; viếng 05 người thân người có uy tín qua đời, số tiền 05 triệu đồng; viếng 02 đám tang người có uy tín qua đời, số tiền 02 triệu đồng.

- Tổ chức 04 cuộc hội nghị tập huấn, cung cấp thông tin cho 433 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, kinh phí 119 triệu đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid - 19 đang diễn biến phức tạp kéo dài, nên Ban không thực hiện được, đã nộp trả kinh phí về ngân sách tỉnh.

- Lập Tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định đưa ra, thay thế và bổ sung người có uy tín giai đoạn 2018-2022 trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, gồm 439 người, tăng 06 người so với năm 2021. Đồng thời hoàn thành Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2021 gửi Ủy ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm biểu tổng hợp số 007/ĐP/12).

3.1.8 Về thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ: phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức 07 cuộc hội nghị tuyên truyền với 900 đại biểu, tọa đàm 360 đại biểu, pano, phóng sự đặc thù bằng tiếng Khmer, kinh phí 350 triệu đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid - 19 đang diễn biến phức tạp kéo dài, nên Ban không thực hiện được, đã nộp trả kinh phí về ngân sách tỉnh.

(Kèm biểu tổng hợp số 011/ĐP/1898)

3.1.9. Về thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 - 2021”:

Trong năm 2021, tổ chức cấp được 149.524 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

3.1.10. Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1560/UBND-KGVX ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch số 32/KH-BDT ngày 26/4/2021 của Ban Dân tộc về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025” (Giai đoạn II):

Tổ chức tuyên truyền 03 cuộc, với 300 đại biểu, tọa đàm 01 cuộc 100 đại biểu, pano,... kinh phí 100 triệu đồng. Tuy nhiên, do dịch bệnh diễn biến phức tạp, nên ban không thực hiện được, đã nộp trả kinh phí về ngân sách tỉnh.

(Kèm biểu tổng hợp số 010/ĐP/498).

3.1.11. Thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019-2025” theo Quyết định số 414/QĐ-TTG ngày 12/4/2019 của TTCP.

Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ “*xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Trà Vinh*” được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 1393/UBND-CNXD ngày 16/4/2021; Sở Thông tin và Truyền thông có Quyết định số 126/QĐ-STTTT ngày 14/7/2012 phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết. Ngày 15/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2916/QĐ-UBND về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán chi năm 2021, với số tiền 2.274.330.000 đồng.

3.1.12. Thực hiện đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của TTCP.

Lập danh sách tập huấn Giảng viên, báo cáo viên về giảng dạy kiến thức dân tộc theo Quyết định 771/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, gửi Học viện Dân tộc.

3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành quản lý, chỉ đạo:

Dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần:

Năm 2020, tỉnh được Trung ương giao dự toán bổ sung là 41.917 triệu đồng để xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào Khmer tại huyện Tiểu Cần (nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 13311/BTC-HCSN ngày 30/10/2020 của Bộ Tài chính).

Tiến độ thực hiện ước đạt 100% khối lượng công việc, giải ngân 39.821,15 triệu đồng, tương đương 95% so với vốn được giao.

3.3. Thực hiện các Chương trình, chính sách do địa phương ban hành

3.3.1. Thực hiện Kết luận số 01-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ban Dân tộc tỉnh tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh dự thảo Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-2015*” và dự thảo Nghị quyết về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đến nay, Tỉnh ủy Trà Vinh đã có báo cáo tổng kết Kết luận số 01 và ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3.3.2. Chính sách đối với các vị chức sắc tôn giáo theo Công văn số 835/UBND-KTTH ngày 19/3/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh: Kinh phí thực hiện 652 triệu đồng, giải ngân đạt 100% kế hoạch.

3.4. Công tác tổ chức, tổng hợp, xây dựng ngành

3.4.1. Công tác tổ chức xây dựng ngành

Ban Dân tộc tỉnh có 03 phòng chức năng¹⁹ được UBND tỉnh giao 20 biên chế²⁰ (trong đó có 01 lao động hợp đồng theo ND 68), hiện có mặt 19 biên chế²¹. Ban luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và thi nâng ngạch theo đề án vị trí việc làm. Năm 2021, Ban đã đưa 02 công chức dự lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; 02 công chức dự lớp bồi dưỡng chuyên viên chính, 01 công chức học Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Trà Vinh và nhiều lượt công chức tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn khác.

3.4.2. Công tác tổng hợp số liệu xây dựng ngành

- Thực hiện Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban Dân tộc "Quy định chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc", UBND tỉnh có Công văn số 231/UBND-KGVX ngày 11/6/2019 giao Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Ban Dân tộc tỉnh có Kế hoạch số 17/KH-BDT ngày 24/2/2021 để triển khai thực hiện.

- Thực hiện Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Ban Dân tộc tỉnh có Kế hoạch số 08/KH-BDT ngày 26/01/2021 để triển khai thực hiện. Đến nay, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, Ban đã thực hiện đạt kế hoạch đề ra.

- Thực hiện Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tổng hợp số liệu ngành báo cáo Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo Công văn số 594-CV/TU ngày 08/8/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh; Hoàn thành báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ủy ban Dân tộc²²; của tỉnh²³ và các sở ngành có liên quan.

3.4.3 Về cập nhật thông tin lên Trang thông tin điện tử cơ quan:

Thực hiện Thông báo số 06/TB-STTTT ngày 02/01/2020 về việc vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin điện tử thành phần, Ban Dân tộc tỉnh dự trù kinh phí hoạt động hàng năm và đăng tải thông tin các hoạt động của Ban; cập nhật các văn bản có liên quan lên Trang thông tin điện tử thành phần của tỉnh theo quy định. Số lượng truy cập bình quân mỗi tháng khoảng 2.000 lượt. Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh phiên bản 2.0. Ban tiếp tục bổ sung các nhiệm vụ, chức năng của Ban

¹⁹ Văn phòng; phòng Chính sách Dân tộc; phòng Tuyên truyền – Pháp luật.

²⁰ Theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và 133/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh.

²¹ Ban lãnh đạo có 03 người (01 Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban), 01 Chánh Văn phòng, 02 Trưởng phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng và 02 Phó Trưởng phòng và 09 công chức, 01 Nhân viên bảo vệ.

²² Thông Tư số 01/2019/TT-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban Dân tộc.

²³ Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh.

Biên tập Trang thông tin điện tử cơ quan phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh. Đến nay Ban đã mở thêm các chuyên mục về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và chuyên mục phổ biến giáo dục pháp luật để đăng tải thông tin phục vụ nhu cầu bạn đọc và công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh.

3.4.4. Các mặt hoạt động khác:

- Thực hiện các kiến nghị, kết luận của kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Chương trình 135 tại tỉnh Trà Vinh:

- + Về kiểm toán Chuyên đề Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Trà Vinh.

- + Về Chuyên đề Chương trình “Hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại 18 tỉnh (Chương trình PforR)”.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 23/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời; Kết luận số 01-KL/TU, ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011 – 2015. Đồng thời, hoàn thành Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch số 44 ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 81 ngày 23/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới năm 2020 gửi Ủy ban Dân tộc.

- Tiếp tục theo dõi việc thực hiện Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015, nhất là nắm tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm:

- Được sự quan tâm và sự hỗ trợ của Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là Ủy ban Dân tộc đã giúp cho tỉnh triển khai thực hiện tốt nhiều chương trình, chính sách, dự án có liên quan đến đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh. Sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy và sự điều hành có hiệu quả của UBND tỉnh, sự phối hợp của các Sở, ngành có liên quan đã kịp thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc.

- Sự phối hợp của các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan và các địa phương trong công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn; Các

phòng chuyên môn thuộc Ban và Phòng Dân tộc các huyện, thành phố tích cực tham mưu Ban Dân tộc tỉnh trong triển khai, thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong vùng đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

Nguyên nhân ưu điểm: Công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm thực hiện của cả hệ thống chính trị, nhất là được sự lãnh, chỉ đạo sâu sát của Ủy ban Dân tộc, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Từ đó các ngành, các cấp trong tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm về công tác dân tộc trên địa bàn, đạt và vượt kế hoạch đề ra.

4.2. Khó khăn, hạn chế:

- Kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào DTTS tuy có tập trung đầu tư nhưng vẫn còn chuyển biến chậm, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo người dân tộc thiểu số còn cao so với tổng số hộ nghèo, cận nghèo chung của tỉnh; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhưng vẫn chưa đảm bảo; huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế; một số nơi đề ra giải pháp tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng DTTS hiệu quả chưa cao.

- Công tác vận động quần chúng trong vùng có đông đồng bào DTTS tuy có chuyển biến nhưng còn chậm; năng lực hoạt động của một số cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ dân vận trong vùng DTTS chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình hiện nay.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS từng lúc, từng nơi còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định do các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trùng với thời điểm khởi công công trình (27/4/2021), đặc biệt là biến động giá vật liệu xây dựng, thiếu hụt nhân lực, không huy động được chuyên gia tư vấn, người quản lý của nhà thầu, chậm tiến độ cung cấp thiết bị, vật tư, vật liệu về công trình nên làm chậm tiến độ thi công công trình xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Công tác tham mưu xin chủ trương tổ chức Hội nghị tuyên truyền trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2021 được UBND tỉnh thống nhất theo kế hoạch. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền trong đồng bào dân tộc thiểu số không đạt theo kế hoạch đề ra, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân khó khăn:

- Cấp ủy, chính quyền địa phương một số xã chưa quan tâm tạo điều kiện phát huy vai trò người có uy tín tham gia hòa giải, nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác tuyên truyền về công tác dân tộc và chính sách dân tộc thiếu thường xuyên; nội dung và hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú.

- Tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, có nguy cơ tiềm ẩn, gây khó khăn trong sản xuất và đời sống của người dân. Tình hình dịch Covid 19 kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRỌNG TÂM NĂM 2022

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh và tình hình thực tế, Ban Dân tộc tỉnh đề ra các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện công tác dân tộc năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS-MN) giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 120/2020/QH14:

- Phối hợp với các sở, ban ngành và UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn.

- Theo dõi tình hình Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện Dự án “Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Trà Vinh”.

- Tham mưu tổ chức họp mặt, thăm viếng và tặng quà nhân dịp tết Chôl Chnam Thmây và thăm, tặng quà lễ Sêne Đôlta 2022, đồng thời phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lễ hội Ok Om Bok năm 2022 của đồng bào Khmer.

- Tiếp tục nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tâm tư nguyện vọng của đồng bào, sư sãi trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Quyết định 1557 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

- Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 498 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025” năm 2022; Kế hoạch thực hiện “hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 – 2025” năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Hội nghị phổ biến chính sách pháp luật về dân tộc năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Tổ chức thực hiện chế độ

chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham gia giáo dục, hòa giải, đối thoại, giải quyết các vụ tranh chấp có liên quan đến đồng bào dân tộc, tôn giáo (nếu có); nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh, chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kịp thời tư vấn, hướng dẫn, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo không để tồn đọng, kéo dài.

2. Giải pháp thực hiện

- Tập trung rà soát, cập nhật các chính sách mới có liên quan đến đồng bào DTTS để tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

- Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và sắp xếp, bố trí cán bộ cơ quan theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII; xây dựng cơ quan, công chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành và xử lý công việc hành chính; Xây dựng chia sẻ cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách có liên quan đến đồng bào DTTS trên địa bàn, làm chuyển biến và nâng cao nhận thức từ trong nội bộ đến người dân hiểu và cùng thực hiện tốt công tác dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giúp các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, nắm tình hình vùng dân tộc và phản ánh kịp thời lên cấp trên để chỉ đạo kịp thời.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo mới; bảo đảm an sinh xã hội và các điều kiện hỗ trợ tăng trưởng bao trùm trong lĩnh vực giảm nghèo; giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ tài nguyên môi trường trong giai đoạn tới, với các nội dung cần quan tâm như:

1. Về nguồn lực: Đề nghị Ban chỉ đạo CTMTQGTW quan tâm bố trí đủ và kịp thời kinh phí triển khai thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo, nhất là các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến công tác giảm nghèo.

2. Về tăng cường kết cấu hạ tầng vùng nghèo: Tập trung, tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để phát triển kết cấu hạ tầng các địa bàn nghèo, vùng còn nhiều khó khăn, tạo điều kiện liên thông hàng hóa, giao thương kết nối thị trường, thuận lợi trong đời sống sinh hoạt, phục vụ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế xã hội.

3. Tập trung xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các mô hình khởi nghiệp cho người nghèo (trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh), các mô hình cần phát huy điều kiện, lợi thế của từng vùng miền, phù hợp với đối tượng, địa bàn cụ thể, thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và một số kiến nghị của Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Vụ Địa phương III;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành có liên quan;
- Phòng DT các huyện, TP;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Kiên Ninh